TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 79/2019/QĐST-LĐ.	*Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 20 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành được lập ngày 12/11/2019 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án lao động thụ lý số: 83/2019/TLST-LĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019;

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đàng Quang T, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Xuất khẩu nông sản N.

Địa chỉ: Số 158 đường B, phường Đ, Tp. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Kỳ Anh K – Chức danh: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất khẩu nông sản N.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Văn H – Chức danh: Giám đốc nhân sự Công ty Cổ phần Xuất khẩu nông sản N theo Giấy ủy quyền ngày 26 tháng 9 năm 2019.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần xuất khẩu nông sản N có nghĩa vụ trả cho ông Đàng Quang T số tiền trợ cấp thôi việc là 63.414.400^{đ} *(Sáu mươi ba triệu bốn trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng)*.

- Công ty Cổ phần xuất khẩu nông sản N xác nhận thời gian chưa đóng bảo hiểm xã hội cho ông Đàng Quang T là 43 tháng (Tính từ tháng 12/2015 đến tháng 6/2019).

- Về án phí: Công ty Cổ phần xuất khẩu nông sản N phải nộp 951.000^{đ} *(Chín trăm năm mươi mốt nghìn đồng)* án phí lao động sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh, Thành phố;
- Chi cục THADS Thành phố;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV).

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Hùng